

UỶ BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1510 /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 21 tháng 11 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ,  
công chức, viên chức tỉnh Lai Châu năm 2023

### UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/09/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 01/10/2014 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 15/3/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kết luận số 209-KL/TU ngày 06/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU (khóa XIII) về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh;

*Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 của UBND tỉnh;*

*Theo đề nghị tại Tờ trình số 1328/TTr-SNV của Giám đốc Sở Nội vụ.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lai Châu năm 2023.

*(Có Kế hoạch chi tiết kèm theo)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh (B/c);
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Lưu: VT, TH2, VX4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Tổng Thanh Hải**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lai Châu năm 2023**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022  
của UBND tỉnh)

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Lai Châu năm 2023 như sau:

### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

#### **1. Mục đích**

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao kiến thức, trình độ chuyên môn, kỹ năng, năng lực quản lý, năng lực điều hành và thực thi nhiệm vụ, tiến tới xây dựng một đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ năng lực, phẩm chất đạo đức, đào tạo nâng chuẩn theo Luật giáo dục năm 2019 đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ công tác; qua đó góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đồng thời phục vụ nhiệm vụ công tác đối ngoại, giao lưu hợp tác, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

#### **2. Yêu cầu**

Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn ngạch, công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của các cơ quan, đơn vị; đào tạo, bồi dưỡng phải có trọng tâm, trọng điểm, gắn đào tạo, bồi dưỡng với quy hoạch, bố trí, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức; chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã, cán bộ nữ; nâng cao trình độ ngoại ngữ cho cán bộ, công chức của tỉnh.

Thực hiện phân công, phân cấp trong tổ chức bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo; bảo đảm công khai, dân chủ, minh bạch, hiệu quả trong đào tạo, bồi dưỡng.

Tổ chức có hiệu quả, đảm bảo tiến độ các lớp đào tạo, bồi dưỡng đã được phê duyệt tại kế hoạch này; cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải đúng đối tượng, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

## **II. ĐỐI TƯỢNG CỬ ĐI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG**

1. Cán bộ trong các cơ quan nhà nước.

2. Công chức, công chức thực hiện chế độ tập sự trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh, ở huyện, thành phố thuộc tỉnh, công chức xã, phường, thị trấn, công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Công chức (kể cả công chức thực hiện chế độ tập sự) trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh, ở huyện, thành phố; công chức xã, phường, thị trấn.

3. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố ở phường, thị trấn.

4. Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

## **III. NỘI DUNG, KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG**

### **1. Nội dung**

Đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức kỹ năng quản lý nhà nước, kiến thức hội nhập, tin học, ngoại ngữ, tiếng dân tộc, bồi dưỡng tiêu chuẩn ngạch, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức, những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố.

### **2. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2023**

#### **2.1. Cử đi đào tạo, bồi dưỡng:**

- Duy trì năm 2022 là 126 người, trong đó: Sau đại học 78 người, đại học 48 người.

- Năm 2023: Cử đi học sau đại học, đại học, hỗ trợ bác sỹ chuyên khoa I, chuyên khoa II sau khi được cấp bằng tốt nghiệp 196 người (*trong đó: sau đại học 110 người; đại học 72 người; hỗ trợ sau khi tốt nghiệp 14 người*).

*(Có phụ lục I kèm theo)*

#### **2.2. Các lớp đào tạo, bồi dưỡng**

Số lớp đào tạo, bồi dưỡng 100 lớp với số học viên từ 6862 - 7.182 học viên, trong đó:

a) Đào tạo: Đại học 8 lớp với số học viên từ 240 - 310 học viên.

- b) Bồi dưỡng: 74 lớp với số học viên từ 5.343 - 5.593 học viên, trong đó:
- + Bồi dưỡng theo chức danh lãnh đạo, quản lý: 04 lớp với số học viên từ 190 - 200 học viên.
  - + Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức: 05 lớp với 356 học viên.
  - + Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức: 06 lớp với 180 - 240 học viên.
  - + Bồi dưỡng theo vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành, chuyên môn, nghiệp vụ: 54 lớp từ 4.267 - 4.427 học viên.
  - + Bồi dưỡng tiếng dân tộc, tin học: 05 lớp với 350 - 370 học viên.

*(Có phụ lục II kèm theo)*

- c) Bồi dưỡng theo đề án, dự án, chương trình mục tiêu quốc gia: 18 lớp với 1.279 học viên *(Có phụ lục III kèm theo)*.

#### **IV. KINH PHÍ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG**

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; đóng góp của cán bộ, công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức được đảm bảo từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, đóng góp của viên chức và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Nội vụ**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thành phố, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có chức năng, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch theo đúng các quy định hiện hành, đúng tiến độ, đảm bảo hiệu quả, chất lượng.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán kinh phí thực hiện gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến đối với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngoài tỉnh trước khi vào tỉnh thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp, thẩm định nội dung chương trình bồi dưỡng theo vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành trình UBND tỉnh phê duyệt trước khi mở các lớp bồi dưỡng theo kế hoạch.

- Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện kế hoạch; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nội vụ kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

## **2. Sở Tài chính**

- Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu bố trí kinh phí đào tạo, bồi dưỡng; đảm bảo đủ nguồn triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đã phê duyệt.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức có hiệu quả phù hợp với tình hình thực tế.

## **3. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thành phố**

- Xây dựng chi tiết kế hoạch thực hiện mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng, cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo đại học, sau đại học gửi về Sở Nội vụ tổng hợp, theo dõi việc thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023.

- Chủ động xây dựng nội dung chương trình bồi dưỡng theo vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành gửi Sở Nội vụ tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức triển khai, thực hiện mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng đã được phê duyệt; Chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, hiệu quả; thanh quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo đúng quy định hiện hành.

- Cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng theo đúng thẩm quyền; trình cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng (qua Sở Nội vụ) theo quy định.

- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

## **4. Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng**

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt đúng tiến độ; đảm bảo nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

- Liên kết, phối hợp với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng khác để mở các lớp nếu trường hoặc trung tâm chưa đảm nhận được; chấp hành việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng theo đúng quy định hiện hành.

- Nghiên cứu đổi mới nội dung, chương trình, nâng cao chất lượng giảng dạy; đổi mới phương thức đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

- Tổ chức xây dựng chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành gửi Sở Nội vụ tổng hợp trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo quy định.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch nếu có sự điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đề nghị các cơ quan, đơn vị gửi văn bản về Sở Nội vụ xem xét, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh./.

---

**BIỂU CỬ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐI ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, SAU ĐẠI HỌC; HỖ TRỢ SAU KHI ĐƯỢC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP NĂM 2023**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh)*

*Phụ lục I*

STT	Cơ quan quản lý đào tạo, Nội dung đào tạo	Duy trì cũ chuyển sang 2022			Cử mới 2023			
		Công chức	Viên chức	Tổng số	Hưởng chế độ hỗ trợ		Công chức, viên chức tự túc kinh phí	Tổng số
					Công chức	Viên chức		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>70</b>	<b>56</b>	<b>126</b>	<b>93</b>	<b>72</b>	<b>31</b>	<b>196</b>
	<b>Sau Đại học</b>	<b>22</b>	<b>56</b>	<b>78</b>	<b>33</b>	<b>58</b>	<b>19</b>	<b>110</b>
	<b>Đại học</b>	<b>48</b>	<b>0</b>	<b>48</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>12</b>	<b>72</b>
	<b>Hỗ trợ sau khi được cấp bằng tốt nghiệp</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>14</b>	<b>0</b>	<b>14</b>
<b>A</b>	<b>CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH</b>	<b>17</b>	<b>54</b>	<b>71</b>	<b>10</b>	<b>54</b>	<b>2</b>	<b>66</b>
1	<b>Văn phòng tỉnh ủy</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>2</b>				<b>0</b>
	Sau Đại học	2		2				0
2	<b>Ban Dân vận</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>1</b>				<b>0</b>
	Sau Đại học	1		1				0
3	<b>Ban Tuyên giáo Tỉnh Ủy</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>1</b>		<b>1</b>	<b>2</b>
	Sau Đại học	3		3	1		1	2
4	<b>Tỉnh đoàn Lai Châu</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>1</b>			<b>1</b>
	Sau Đại học	1		1	1			1
5	<b>Trường Chính trị tỉnh</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>4</b>				<b>0</b>
	Sau Đại học		4	4				0
6	<b>Báo Lai Châu</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>1</b>		<b>3</b>		<b>3</b>
	Sau Đại học		1	1		3		3
7	<b>Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>3</b>			<b>3</b>
	Sau Đại học	2		2	3			3
8	<b>Văn phòng UBND tỉnh</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>2</b>			<b>2</b>
	Sau đại học	1		1	2			2
9	<b>Sở Nội vụ</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>1</b>				<b>0</b>



STT	Cơ quan quản lý đào tạo, Nội dung đào tạo	Duy trì cũ chuyển sang 2022			Cũ mới 2023			
		Công chức	Viên chức	Tổng số	Hưởng chế độ hỗ trợ		Công chức, viên chức tự túc kinh phí	Tổng số
					Công chức	Viên chức		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Sau Đại học	1		1				0
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	0	10	10				0
	Sau đại học		10	10				0
11	Sở Tài chính	1	0	1	1			1
	Sau đại học	1		1	1			1
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1	0	1				0
	Sau đại học	1		1				0
13	Sở Tư pháp	1	0	1				0
	Sau đại học	1		1				0
14	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	0	1	1			1
	Sau đại học	1		1	1			1
15	Sở Y tế	1	34	35	0	50	0	50
15.1	Sau Đại học	1	34	35		36		36
15.2	Hỗ trợ sau khi được cấp bằng tốt nghiệp			0		14		14
16	Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng	1	0	1				0
	Sau đại học	1		1				0
17	Đài Phát thanh - Truyền hình	0	2	2		1		1
	Sau Đại học		2	2		1		1
18	Trường Cao đẳng Cộng đồng Lai Châu	0	3	3				0
	Sau đại học		3	3				0
19	Liên Minh hợp tác xã	0	0	0			1	1
	Sau Đại học			0			1	1
20	Chữ Thập đỏ	0	0	0	1			1
	Sau Đại học			0	1			1

STT	Cơ quan quản lý đào tạo, Nội dung đào tạo	Duy trì cũ chuyển sang 2022			Cử mới 2023			
		Công chức	Viên chức	Tổng số	Hưởng chế độ hỗ trợ		Công chức, viên chức tự túc kinh phí	Tổng số
					Công chức	Viên chức		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>B</b>	<b>CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ</b>	<b>53</b>	<b>2</b>	<b>55</b>	<b>83</b>	<b>18</b>	<b>29</b>	<b>130</b>
<b>1</b>	<b>UBND huyện Tân Uyên</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>8</b>	<b>17</b>		<b>25</b>
1.1	Sau Đại học	1	2	3	7	17		24
1.2	Đại học			0	1			1
<b>2</b>	<b>UBND huyện Tam Đường</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>7</b>
2.1	Sau Đại học	1		1	2		2	4
2.2	Đại học	5		5	2		1	3
<b>3</b>	<b>UBND huyện Nậm Nhùn</b>	<b>5</b>		<b>5</b>	<b>3</b>			<b>3</b>
	Đại học	5		5	3			3
<b>4</b>	<b>UBND huyện Sìn Hồ</b>	<b>28</b>	<b>0</b>	<b>28</b>	<b>40</b>		<b>1</b>	<b>41</b>
4.1	Sau Đại học	1		1	7		1	8
4.2	Đại học	27		27	33			33
<b>5</b>	<b>UBND huyện Phong Thổ</b>	<b>12</b>		<b>12</b>	<b>20</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	<b>25</b>
5.1	Sau Đại học	2		2	6	1	4	11
5.2	Đại học	10		10	14			14
<b>6</b>	<b>UBND huyện Than Uyên</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>2</b>
6.1	Sau Đại học			0	1			1
6.2	Đại học			0			1	1
<b>7</b>	<b>UBND thành phố Lai Châu</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>20</b>	<b>21</b>
7.1	Sau Đại học			0			10	10
7.2	Đại học			0	1		10	11
<b>8</b>	<b>UBND huyện Mường Tè</b>	<b>1</b>		<b>1</b>	<b>6</b>			<b>6</b>
8.1	Sau Đại học			0				0
8.2	Đại học	1		1	6			6

**BIỂU MỞ CÁC LỚP THEO ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRONG NĂM 2023**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Lai Châu)*

Phụ lục III

STT	Cơ quan quản lý đào tạo, Nội dung đào tạo	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp thực hiện; cơ sở đào tạo	Đào tạo, bồi dưỡng năm 2023			Ghi chú
				Số lớp	Học viên	Thời gian	
1	2	3	4	5	6	9	10
<b>I</b>	<b>Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025</b>			11	869		
1	Bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế-xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho công chức chỉ huy Trường Quân sự	Sở Nội vụ	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	1	80	4 ngày	
2	Bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế-xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho công chức Tài chính - Kế toán	Sở Nội vụ	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	2	189	4 ngày	
3	Bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế-xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho công chức Văn phòng - Thống kê	Sở Nội vụ	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	1	89	4 ngày	
4	Bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế-xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho công chức Tư pháp - Hộ tịch	Sở Nội vụ	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	2	148	4 ngày	
5	Bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế-xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho công chức Văn hóa - Xã hội	Sở Nội vụ	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	2	144	4 ngày	
6	Bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế-xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường	Sở Nội vụ	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	3	219	4 ngày	

STT	Cơ quan quản lý đào tạo, Nội dung đào tạo	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp thực hiện; cơ sở đào tạo	Đào tạo, bồi dưỡng năm 2023				
				Số lớp	Cán bộ, công chức	Viên chức	Không chuyên trách	Thời gian
2.8	Đại học Công nghệ thông tin	Trường Cao đẳng Cộng đồng	Đại học Kinh tế quốc dân	1	30-40			02-04 năm
<b>B</b>	<b>BỒI DƯỠNG</b>			<b>74</b>	<b>5.343-5.593</b>		<b>568</b>	
<b>I</b>	<b>BỒI DƯỠNG THEO CHỨC DANH LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ</b>			<b>4</b>	<b>190-200</b>			
1	Bồi dưỡng cấp phòng và tương đương	Trường Chính trị tỉnh	Sở Nội vụ; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	3	160			2 tuần
2	Bồi dưỡng cấp sở và tương đương	Trường Chính trị tỉnh	Sở Nội vụ; Học viện hành chính quốc gia	1	30-40			2 tuần
<b>II</b>	<b>BỒI DƯỠNG THEO TIÊU CHUẨN NGẠCH</b>			<b>5</b>	<b>356</b>			
1	Bồi dưỡng ngạch chuyên viên	Trường Chính trị tỉnh	Sở Nội vụ; các huyện, thành phố	3	219			4 tuần
2	Bồi dưỡng chuyên viên chính	Trường Chính trị tỉnh	Sở Nội vụ; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	2	137			6 tuần
<b>III</b>	<b>BỒI DƯỠNG THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC</b>			<b>6</b>		<b>180-240</b>		
1	Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non	Trường Cao đẳng Cộng đồng	Trường Cao đẳng Cộng đồng	1		30-40		1,5 tháng
2	Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học	Trường Cao đẳng Cộng đồng	Trường Cao đẳng Cộng đồng	1		30-40		1,5 tháng
3	Bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp thư viện	Trường Cao đẳng Cộng đồng	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	1		30-40		1,5 tháng
4	Bồi dưỡng giáo viên tin học dạy môn tin học và Công nghệ ở tiểu học	Trường Cao đẳng Cộng đồng	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	1		30-40		20-28 tín chi

STT	Cơ quan quản lý đào tạo, Nội dung đào tạo	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp thực hiện; cơ sở đào tạo	Đào tạo, bồi dưỡng năm 2023				
				Số lớp	Cán bộ, công chức	Viên chức	Không chuyên trách	Thời gian
5	Bồi dưỡng giáo viên THCS dạy môn Khoa học tự nhiên	Trường Cao đẳng Cộng đồng	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	1		30-40		20-36 tín chỉ
6	Bồi dưỡng giáo viên dạy môn lịch sử và Địa lý	Trường Cao đẳng Cộng đồng	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	1		30-40		20-34 tín chỉ
IV	<b>BỒI DƯỠNG THEO VỊ TRÍ VIỆC LÀM, KIẾN THỨC, KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH, CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ</b>			<b>54</b>	<b>4.267-4.427</b>		<b>628</b>	
1	<b>Cấp tỉnh</b>			<b>28</b>	<b>2056-2036</b>		<b>233</b>	<b>2</b>
1.1	Bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác thống kê	Cục Thống kê tỉnh	Sở Nội vụ; Cục thống kê tỉnh	3	230			2
1.2	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác mặt trận	Ủy ban MTTQ tỉnh	Trường Chính trị tỉnh	2	57		73	3 ngày
1.3	Bồi dưỡng văn hóa công vụ	Sở Nội vụ	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	2	160			03 ngày
1.4	Bồi dưỡng công tác tín ngưỡng, tôn giáo	Sở Nội vụ	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	1	150			3 ngày
1.5	Bồi dưỡng quản lý nhà nước về công tác thanh niên	Sở Nội vụ	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	2	248			3 ngày
2	Bồi dưỡng chuyên sâu về công tác chứng thực	Sở Tư pháp	Sở Nội vụ, UBND các huyện, thành phố	1	115			2 ngày
2.1	Bồi dưỡng chuyên sâu về công tác hộ tịch	Sở Tư pháp	Sở Nội vụ, UBND các huyện, thành phố	1	110			02 ngày
2.2	Bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ đo lường	Sở Khoa học và Công nghệ	Trung tâm đào tạo nghiệp vụ tiêu chuẩn đo lường chất lượng, tổng cục TĐC	1	100			3 ngày

STT	Cơ quan quản lý đào tạo, Nội dung đào tạo	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp thực hiện; cơ sở đào tạo	Đào tạo, bồi dưỡng năm 2023				
				Số lớp	Cán bộ, công chức	Viên chức	Không chuyên trách	Thời gian
2.3	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác lao động, thương binh và xã hội	Sở Lao động thương binh và Xã hội	UBND huyện Tam Đường và Phong Thổ	2	236			4 ngày
2.4	Bồi dưỡng cập nhật, nâng cao kiến thức kỹ năng cho cán bộ sử dụng hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (hệ thống Tabmis)	Sở Tài chính	Trung tâm chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kỹ thuật, cục Tin học và thống kê Tài chính (Bộ Tài chính)	1	50			3 ngày
2.5	Bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao năng lực quản lý xây dựng trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2023	Sở Xây dựng	Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị AMC thuộc Bộ Xây dựng	2	200			2 ngày
2.6	Bồi dưỡng chức danh bí thư đoàn cấp cơ sở	Tinh đoàn Lai Châu	Học viện thanh thiếu nhi Việt Nam	1	50		100	7 ngày
2.7	Phương pháp dạy bơi, lặn và phòng chống tai nạn đuối nước	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch	UBND các huyện, thành phố	4	80	60	60	5 ngày
2.8	Bồi dưỡng xác định tình trạng nghiện ma túy	Sở Y tế	Bệnh viện tâm thần Trung ương	5	270			2 ngày
<b>2</b>	<b>CẤP HUYỆN</b>			<b>26</b>	<b>2091</b>	<b>0</b>	<b>395</b>	
<b>2.1</b>	<b>UBND huyện Tân Uyên</b>			<b>5</b>	<b>332</b>			
2.1.1	Bồi dưỡng đạo đức công vụ cấp xã	UBND huyện Tân Uyên	Trường Chính trị/Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện	3	212			3 ngày
2.2.2	Bồi dưỡng kiến thức về an toàn, an ninh và bảo mật thông tin	UBND huyện Tân Uyên	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng Sở Thông tin và Truyền thông	2	120			3 ngày

STT	Cơ quan quản lý đào tạo, Nội dung đào tạo	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp thực hiện; cơ sở đào tạo	Đào tạo, bồi dưỡng năm 2023				
				Số lớp	Cán bộ, công chức	Viên chức	Không chuyên trách	Thời gian
<b>2.2</b>	<b>UBND huyện Tam Đường</b>			<b>4</b>	<b>291</b>	<b>0</b>	<b>133</b>	
2.2.1	Bồi dưỡng kỹ năng kiểm soát, rà soát thủ tục hành chính	UBND huyện Tam Đường	VP UBND tỉnh	1	70			2 ngày
2.2.2	Lớp tập huấn nghiệp vụ về quản lý và sử dụng thiết chế văn hóa	UBND huyện Tam Đường	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	2	146		133	02 ngày
2.2.3	Bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư lưu trữ	UBND huyện Tam Đường	Sở Nội vụ	1	75			02 ngày
<b>2.3</b>	<b>UBND huyện Nậm Nhùn</b>			<b>3</b>	<b>210</b>			
2.3.1	Lớp bồi dưỡng cải cách hành chính	UBND huyện Nậm Nhùn	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	1	80			3 ngày
2.3.2	Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư-lưu trữ	UBND huyện Nậm Nhùn	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	1	70			3 ngày
2.3.3	Lớp bồi dưỡng văn hóa công vụ	UBND huyện Nậm Nhùn	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	1	60			3 ngày
<b>2.4</b>	<b>UBND huyện Sin Hồ</b>			<b>3</b>	<b>109</b>	<b>0</b>	<b>190</b>	
2.4.1	Lớp bồi dưỡng cải cách hành chính	UBND huyện Sin Hồ	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	1	109			3 ngày
2.4.2	Lớp bồi dưỡng Công an viên bản	UBND huyện Sin Hồ	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	2			190	3 ngày
<b>2.5</b>	<b>UBND huyện Phong Thổ</b>			<b>2</b>	<b>136</b>			
2.5.1	Lớp bồi dưỡng cải cách hành chính	UBND huyện Phong Thổ	Sở Nội vụ hoặc cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	1	68			3 ngày
2.5.2	Lớp bồi dưỡng văn hóa công vụ	UBND huyện Phong Thổ	Sở Nội vụ hoặc cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	1	68			3 ngày
<b>2.6</b>	<b>UBND huyện Than Uyên</b>			<b>2</b>	<b>190</b>			

STT	Cơ quan quản lý đào tạo, Nội dung đào tạo	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp thực hiện; cơ sở đào tạo	Đào tạo, bồi dưỡng năm 2023				
				Số lớp	Cán bộ, công chức	Viên chức	Không chuyên trách	Thời gian
2.6.1	Lớp bồi dưỡng công tác tôn giáo	UBND huyện Than Uyên	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	1	130			3 ngày
2.6.2	Lớp bồi dưỡng công tác cải cách thủ tục hành chính	UBND huyện Than Uyên	Phòng kiểm soát TTHC VP UBND tỉnh	1	60			3 ngày
<b>2.7</b>	<b>UBND thành phố Lai Châu</b>			<b>3</b>	<b>212</b>	<b>0</b>	<b>72</b>	
2.7.1	Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, hướng dẫn kê khai tài sản thu nhập	UBND thành phố Lai Châu	Thanh tra tỉnh	1	106			2 ngày
2.7.2	Lớp bồi dưỡng công tác quy chế dân chủ, dân vận chính quyền	UBND thành phố Lai Châu	Ban Dân vận tỉnh ủy; Sở Nội vụ	1	106			02 ngày
2.7.3	Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ trưởng ban, tổ trưởng tổ dân phố	UBND thành phố Lai Châu	Sở Nội vụ	1			72	02 ngày
<b>2.8</b>	<b>UBND huyện Mường Tè</b>			<b>4</b>	<b>611</b>			
2.8.1	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác cải cách hành chính	UBND huyện Mường Tè	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	1	134			
2.8.2	Bồi dưỡng nghiệp vụ dân vận chính quyền	UBND huyện Mường Tè	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	1	134			
2.8.3	Bồi dưỡng nghiệp vụ phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa	UBND huyện Mường Tè	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	1	276			
2.8.4	Bồi dưỡng kỹ năng kiểm soát, rà soát thủ tục hành chính	UBND huyện Mường Tè	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	1	67			
<b>V</b>	<b>BỒI DƯỠNG TIẾNG DÂN TỘC-TIN HỌC</b>			<b>5</b>	<b>350-370</b>			



STT	Cơ quan quản lý đào tạo, Nội dung đào tạo	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp thực hiện; cơ sở đào tạo	Đào tạo, bồi dưỡng năm 2023				
				Số lớp	Cán bộ, công chức	Viên chức	Không chuyên trách	Thời gian
1	Sở Giáo dục và Đào tạo			3	280-300			
1.1	Bồi dưỡng tiếng Dân tộc Mông	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên - Hướng nghiệp tỉnh Lai Châu	Sở Giáo dục và Đào tạo; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	3	280-300			2-3 tháng
2	Sở Thông tin và Truyền thông			2	70			
2.1	Đào tạo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	2	70			10 ngày
C	Dự hội nghị sơ kết, tổng kết, triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng ở trung ương; kiểm tra công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu							

# BIỂU MỞ CÁC LỚP ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG; TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Lai Châu)

Phụ lục II

STT	Cơ quan quản lý đào tạo, Nội dung đào tạo	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp thực hiện; cơ sở đào tạo	Đào tạo, bồi dưỡng năm 2023				
				Số lớp	Cán bộ, công chức	Viên chức	Không chuyên trách	Thời gian
1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>A</b>	<b>ĐÀO TẠO</b>			<b>8</b>	<b>240-310</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>1</b>	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>			<b>1</b>	<b>30</b>			
1.1	Đại học Luật	Trung tâm Giáo dục Thường xuyên và Hướng nghiệp tỉnh	Trường Đại học Mở Hà Nội	1	30			2-4 năm
<b>2</b>	<b>Trường Cao đẳng Cộng đồng</b>			<b>7</b>	<b>210-280</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
2.1	Đại học Giáo dục Mầm non	Trường Cao đẳng Cộng đồng	Đại học Sư phạm Hà Nội 2	1		30-40		2-3 năm
2.3	Đại học Luật	Trường Cao đẳng Cộng đồng	Đại học mở Hà Nội	1	30-40			02-04 năm
2.4	Đại học Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Trường Cao đẳng Cộng đồng	Đại học Kinh tế quốc dân	1	30-40			02-04 năm
2.5	Đại học kinh tế nông, lâm nghiệp	Trường Cao đẳng Cộng đồng	Đại học Kinh tế quốc dân	1	30-40			02-04 năm
2.6	Đại học Quản trị nhân lực	Trường Cao đẳng Cộng đồng	Đại học Kinh tế quốc dân	1	30-40			02-04 năm
2.7	Đại học Kinh doanh thương mại	Trường Cao đẳng Cộng đồng	Đại học Kinh tế quốc dân	1	30-40			02-04 năm

<b>II</b>	<b>Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển Kinh tế - Xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</b>						
1	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	Sở Nội vụ	Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	1	80	3 ngày	
2	Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, nghiệp vụ thông tin đối ngoại	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, thành phố	2	160	3-5 ngày/lớp	
<b>III</b>	<b>Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững</b>			<b>3</b>	<b>240</b>		
1	Bồi dưỡng giảm nghèo về thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, thành phố	3	240	3-5 ngày/lớp	
<b>IV</b>	<b>Đề án y tế cơ sở (QĐ số 310/QĐ-UBND ngày 10/3/2022)</b>			<b>4</b>	<b>170</b>		
1	Bồi dưỡng y sỹ sản nhi	Sở Y tế	Trường Cao đẳng cộng đồng	1	30	6 tháng	
2	Bồi dưỡng kiến thức y học cổ truyền	Sở Y tế	Trường Cao đẳng cộng đồng	1	30	6 tháng	
3	Đào tạo, bồi dưỡng về quản lý cho trường, phó trạm y tế xã/phường/thị trấn	Sở Y tế	Trường Cao đẳng cộng đồng	1	60	3 tuần	
4	Quản lý chất lượng bệnh viện	Sở Y tế	Trường Cao đẳng cộng đồng	1	50	1 tuần	
	<b>TỔNG SỐ</b>			<b>18</b>	<b>1279</b>		